

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 11 năm 2025

[02] Lần đầu: [] [03] Bổ sung lần thứ: [1]

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

[05] Mã số thuế: 0309391503

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/phường/đặc khu:

[11b] Quận/Huyện:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)		Thuế giá trị gia tăng		
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]				
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[22]	0	
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước					
I	Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ					
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	14.565.898.024	[24]	985.154.884	
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a]	2.317.438.111	[24a]	88.659.109	
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này			[25]	985.154.884	
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ					
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0			
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	13.844.364.524	[28]	997.518.600	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0			
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	3.667.691.000	[31]	183.384.550	
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	10.176.673.524	[33]	814.134.050	
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0			
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34]	13.844.364.524	[35]	997.518.600	
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])			[36]	12.363.716	
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước					
1	Điều chỉnh giảm			[37]	0	
2	Điều chỉnh tăng			[38]	221.096.131	
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ			[39a]	0	
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:					
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a] = ([36] - [22] + [37] - [38] - [39a]) ≥ 0}			[40a]	0	
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b] ≤ [40a])			[40b]	0	
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40] = [40a] - [40b])			[40]	0	
	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này					

4	$\{[41] = ([36] - [22] + [37] - [38] - [39a]) \leq 0\}$	[41]	208.732.415
4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ($[42] \leq [41]$)	[42]	0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ($[43] = [41] - [42]$)	[43]	208.732.415

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRẦN THỊ THƠM

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
Ngày ký: 13/02/2026 12:17:18.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 174/2024/QH15
(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT Kỳ tính thuế: Tháng 11 năm 2025)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
[02] Mã số thuế: 0309391503
[03] Tên đại lý thuế (nếu có):
[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% (áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ	Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)
1	ADS - HO TRO THEM 1%	2.522.328	201.786
2	Ăn uống	2.958.985	236.719
3	Bắp giò heo muối vị Tayaki Coop Select 450g	87.956.022	7.036.481
4	Bi gỏi trực lập XE 51E-207.06	1.900.000	152.000
5	BUS - HO TRO CUNG HOP TAC 2.25%	5.675.239	454.019
6	Chả cốm 300g	431.442.000	34.515.362
7	Chả nướng 300g	238.694.720	19.095.578
8	Chân gà sả tắc 150g	1.764.320	141.146
9	Chân gà sả tắc 250g	17.282.785	1.382.624
10	Chân gà sả tắc 500g	4.015.000	321.200
11	Chân gà sốt thái 250g	17.099.829	1.367.986
12	Chân giò heo muối 100g	38.750.250	3.100.020
13	Chân giò heo muối 300g	2.090.743.172	167.259.459
14	Chân giò heo muối 500g	283.844.741	22.707.571
15	Chiết khấu trung bày 0.5% tháng 09.2025	36.129	2.890
16	Chuột máy tính Logitech M221 không dây (Xám đen)	267.593	21.407
17	CTG - HO TRO NHOM HANG TRONG DIEM 4%	10.089.314	807.145
18	Cước dịch vụ chuyển phát tháng 10 năm 2025 (Kèm bảng kê cước số 500725 ngày 07/11/2025)	2.156.956	172.556
19	Cước vận chuyển	6.760.818	540.865
20	Cước vận chuyển Cảng Lạch Huyện, Hải Phòng- Phường Thành Nam, Ninh Bình(Mỹ Xá, Nam Định cũ) . Container:CSNU2414930,xe:15F-01554	7.000.000	560.000
21	Cước vận chuyển hàng hóa nội thành Đà Nẵng, ngày 05/11/2025, biên số xe :43H08964	4.000.000	320.000
22	Cước vận chuyển từ cảng Cát Lái, Tp. Hồ Chí Minh đến Mỹ Hạnh, Tây Ninh số xe 50E 14404	4.700.000	376.000
23	Cước vận chuyển từ TPHCM đi Kho Vin DC Đà Nẵng ngày 06/10/2025 xe 50LD 15605	13.663.100	1.093.048
24	Dầu Diesel 0,05S Mức 2	1.851.852	148.148
25	dịch vụ vận chuyển BKS phương tiện vận chuyển: 50H-595.12	64.128	5.131

26	Dịch vụ ăn _Menu Signature	13.959.000	1.116.720
27	Dịch vụ khắc dấu tròn Shiny	500.000	40.000
28	Dịch vụ sửa chữa xe SONET Biển số: 51L45281, RO: K25110007	3.015.713	241.257
29	Dịch vụ thẩm định giá quyền sử dụng đất và công trình xây dựng (theo hợp đồng số 08/HĐDV-PN-HN ngày 26/03/2024).	5.555.556	444.444
30	Dịch vụ thuê xe Nội thành Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/11/2025 - biển số xe 51L-707.65	1.800.000	144.000
31	Dịch vụ thuê xe ô tô BKS 30F17632 (từ ngày 12-15/11/2025)	4.277.778	342.222
32	dịch vụ tiền phòng R404 (09/11/2025 - 13/11/2025)	2.592.593	207.407
33	Dịch vụ vận chuyển BKS phương tiện vận chuyển: 29Y5-909.89	16.414	1.313
34	Dịch vụ vận chuyển BKS phương tiện vận chuyển: 59G2-975.37	85.525	6.842
35	DIS - HO TRO TRUNG BAY SAN PHAM 2.3%	5.801.355	464.108
36	DTS-HO TRO CUNG CAP THONG TIN 0.5%	1.261.164	100.893
37	Gà hun cô xạ hương Coop Select 500g	18.528.950	1.482.316
38	Gà muối 500g	1.845.785.700	147.662.859
39	Gà muối hun khói 300g	31.226.720	2.498.136
40	Gà xì dầu 500g	129.718.776	10.377.497
41	Giày bảo hộ lao động BH 08-1	792.000	63.360
42	Giò lụa 250g	139.963.576	11.197.086
43	Giò sụn gà 250g	53.369.536	4.269.563
44	Giò Tai Lưỡi Xào 250g	819.876.666	65.590.136
45	Hạ Cont-20GP	925.000	74.000
46	Hỗ trợ bán hàng	32.718.028	2.617.442
47	Hỗ trợ bán hàng tháng 08/2025	495.484	39.639
48	Hỗ trợ cầm nan mua sắm	39.715.055	3.177.204
49	Hỗ trợ chiết khấu trung bày tháng 07/2025-1%	211.124	16.890
50	Hỗ trợ chiết khấu trung bày từ 01/01/2025-31/05/2025-1%	248.260	19.860
51	Hỗ trợ đặt hàng tập trung 0,5%	52.374.364	4.189.949
52	Hỗ trợ đặt hàng tập trung tháng 11.2025	569.667	45.573
53	Hỗ trợ hợp tác chiến lược 0,5%	52.374.364	4.189.949
54	Hỗ trợ khác	1.891.193	151.295
55	Hỗ trợ khách hàng hội viên 0,5%	52.374.364	4.189.949
56	Hỗ trợ khách hàng thành viên	37.823.861	3.025.909
57	Hỗ trợ khai trương	30.000.000	2.400.000
58	Hỗ trợ khai trương mở lại	360.000.000	28.800.000
59	Hỗ trợ kiểm tra chất lượng SP 1%	104.748.677	8.379.894
60	Hỗ trợ lên cầm nang kmại 0,25%	26.187.142	2.094.971
61	Hỗ trợ Marketing	1.531.382	122.510
62	Hỗ trợ phát triển hệ thống bán hàng	1.891.193	151.295
63	Hỗ trợ phát triển nhân hàng 1%	104.748.677	8.379.894
64	Hỗ trợ phát triển sp mới	1.891.194	151.296
65	Ho tro phi van chuyen T10/2025 15	3.482.238	278.578
66	Hỗ trợ quảng cáo, tiếp thị 2%	209.497.338	16.759.787

67	Hỗ trợ Quỹ khuyến mại 2,5%	261.871.644	20.949.732
68	Hỗ trợ sinh nhật, sự kiện 1%	104.748.677	8.379.894
69	Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết	2.278.666	182.293
70	Hỗ trợ trưng bày	1.933.446	154.676
71	Hỗ trợ trưng bày 2,5%	261.871.644	20.949.732
72	Hỗ trợ trưng bày tháng 10/2025	3.717.227	297.376
73	Hỗ trợ vận chuyển qua DC 6,5%	22.348.428	1.787.874
74	Hỗ trợ vận chuyển tỉnh	35.372.640	2.829.811
75	Hỗ trợ VC qua DC 6,5%	52.561.692	4.204.935
76	Kiểm định xe 51E20706T	243.636	19.491
77	Lệ phí đăng kiểm	20.000	1.600
78	Lưỡi dao cắt ZB-80 bằng inox	20.660.674	1.652.854
79	Máy chiếu (185*130*250), model: XTREME, nhãn hiệu Beecube, điện áp 110-220V, 50-60HZ, công suất chiếu lên màn ảnh từ 20 - 120 inch , có kèm dây nguồn. Hàng mới 100%- BC001251066	4.874.074	389.926
80	Mộc nắm hương 250g	446.128.170	35.690.255
81	Mộc nắm hương 500g	15.767.880	1.261.431
82	Nâng/hạ rỗng cont lạnh 40RH YMLU5512826	2.222.222	177.778
83	NIT-HO TRO SAN PHAM MOI 2%	5.044.657	403.573
84	PHI BAN HANG 202510_5820	865.688	69.255
85	PHÍ BÁN HÀNG 202510_5820	6.042.364	483.390
86	PHI BAN HANG 202510_5820	119.066	9.525
87	PHÍ BÁN HÀNG 202510_5820	235.457	18.837
88	PHÍ BÁN HÀNG T10.2025_5820	158.235	12.659
89	Phí bốc xếp ngoài giờ T11.2025	79.860	6.389
90	Phí bốc xếp trong giờ T11.2025	7.404.030	592.322
91	Phí cắm điện T11.2025	1.136.650	90.932
92	Phí dịch vụ	480.000	38.400
93	PHI DICH VU BAN HANG 202510_5820	395.910	31.673
94	PHI DICH VU BAN HANG T10/2025_5820	212.441	16.995
95	Phí dịch vụ bảo quản hàng lạnh T11.2025	110.060.430	8.804.834
96	Phí dịch vụ T10.2025 quầy 480	60.248.550	4.819.884
97	Phí dịch vụ thông quan	5.200.000	416.000
98	Phí ghi mã cân theo thùng T11.2025	606.000	48.480
99	Phí hỗ trợ T10.2025 quầy 480	12.910.403	1.032.832
100	Phí listing sản phẩm	5.277.778	422.222
101	Phí tạo mã hàng hóa	925.926	74.074
102	Phí trưng bày Quý 3/2025	451.869	36.149
103	Phiếu ăn sáng	277.778	22.222
104	Phòng nghỉ	2.083.332	166.668
105	Phụ phí giao container chuyển cảng 40 hàng	14.284.259	1.142.741
106	Phụ thu phí nâng 20 hàng 4 → 6 Ngày	784.259	62.741
107	Phụ tùng của máy may ngang tự động	3.534.504	282.760

108	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: 128MXL-10	431.739	34.539
109	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: LMK12LUU	5.527.568	442.205
110	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: PB16X10SCB	3.647.332	291.787
111	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: QW10-49(420)	2.624.973	209.998
112	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: QW6-147	4.134.228	330.738
113	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: TR25X80S	2.675.630	214.050
114	Phụ tùng của máy may ngang tự động Mã hàng: TRD10X50S	7.905.141	632.411
115	Tai heo muối 200g	384.041.920	30.723.353
116	Tai heo muối 400g	41.076.129	3.286.088
117	Tai heo sốt thái 150g	6.610.140	528.810
118	Tai heo sốt thái 250g	16.997.280	1.359.783
119	Tai heo sốt thái 500g	3.527.200	282.177
120	Thu lai phi van chuyen 16102025 hang lanh - 005820 tu HCM den Lotte Mart Phan Thiet, BKS: 50H08394	1.185.600	94.847
121	Thùng NP7	960.000	76.800
122	Thùng NP9	3.000.000	240.000
123	Thùng Xốp A1	13.620.000	1.089.600
124	Thùng Xốp A1	2.700.000	216.000
125	Tiền điện	11.286.806	902.945
126	Văn phòng phẩm	2.279.400	182.352
127	Vé máy bay	2.945.667	236.533
128	Vô Xe 215/75R16 Maxxis	3.796.296	303.704
129	Vòng đệm kín JT-1 bằng Silicone	3.721.852	297.748
130	Xăng Dầu	694.462	55.557
131	Xăng E10 RON 95 Mức 3	509.292	40.743
132	Xăng RON 95 mức 3	740.741	59.259
133	Xăng RON 95 mức 3	370.370	29.630
134	Xăng RON 95 Mức 5	1.759.361	140.750
	Tổng cộng:	9.473.274.201	757.862.806

II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT theo quy định	Thuế suất thuế GTGT sau giảm	Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)x80%	(6)=(3)x[(4)-(5)]
1	Bắp giò heo muối vị Tayaki Coop Select 450g	96.372.937	10	8	1.927.459
2	Chả cốm 200g	371.250	10	8	7.425
3	Chả cốm 300g	575.535.463	10	8	11.510.709
4	Chả nướng 300g	306.970.464	10	8	6.139.409
5	Chân gà sả tắc 150g	2.627.775	10	8	52.556
6	Chân gà sả tắc 250g	27.666.871	10	8	553.337
7	Chân gà sả tắc 500g	8.174.375	10	8	163.488
8	Chân gà sốt thái 250g	26.173.789	10	8	523.476
9	Chân giò heo muối 100g	56.532.894	10	8	1.130.658

10	Chân giò heo muối 300g	2.953.286.566	10	8	59.065.731
11	Chân giò heo muối 500g	430.014.498	10	8	8.600.290
12	Gà hun cò xạ hương Coop Select 500g	33.645.191	10	8	672.904
13	Gà muối 500g	2.334.493.539	10	8	46.689.871
14	Gà muối hun khói 300g	49.005.938	10	8	980.119
15	Gà xì dầu 500g	144.840.829	10	8	2.896.817
16	Giò lụa cây 250g	221.048.388	10	8	4.420.968
17	Giò sụn gà 250g	56.755.886	10	8	1.135.118
18	Giò Tai Lưỡi Xào 250	401.456	10	8	8.029
19	Giò Tai Lưỡi Xào 250g	1.081.780.438	10	8	21.635.609
20	Máy cắt may ngang tự động: Model: HT-HQ2000 Nhân hiệu: Hengtai Năm sản xuất: 2025	625.000.000	10	8	12.500.000
21	Mọc Nấm Hương 250g	533.096.300	10	8	10.661.926
22	Mọc Nấm Hương 500g	19.747.800	10	8	394.956
23	Tai heo muối 200g	559.504.948	10	8	11.190.099
24	Tai heo muối 400g	57.821.001	10	8	1.156.420
25	Tai heo sốt thái 150g	9.578.111	10	8	191.562
26	Tai heo sốt thái 250g	24.813.667	10	8	496.273
27	Tai heo sốt thái 500g	7.297.500	10	8	145.950
Tổng cộng:		10.242.557.874			204.851.159

III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%: **[09] = [08] - [06]:** (553.011.647) đồng

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã khai./.

Ngày 20 tháng 12 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRẦN THỊ THƠM

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**
Ngày ký: 13/02/2026 12:17:18.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI BỔ SUNG

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày
29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
[02] Mã giao dịch điện tử: 11320250353867673
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 11 năm 2025
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM
[06] Mã số thuế: 0309391503
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):
[08] Mã số thuế:
[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số _____ Ngày: _____

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục	Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
Tổng cộng: [10]		0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên (đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác)	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Xã/phường/đặc khu	Tỉnh		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
	-					0
Tổng cộng: [11]						0

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

- a) Số ngày chậm nộp tính đến ngày : 0
b) Số tiền chậm nộp tăng/giảm: 0

II. Số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm:

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	1701 - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)	84.098.129
	Tổng cộng: [12]	84.098.129

III. Số thuế đề nghị hoàn điều chỉnh tăng/giảm:

STT	Tên Tiêu mục	Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)	(3)
1	-	0
	Tổng cộng: [13]	0

B. Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp (nếu có):

I. Số thuế thu hồi hoàn:

- 1. Số tiền thu hồi hoàn: 0: Đồng Việt Nam.
- 2. Quyết định hoàn thuế: Số ngày cơ quan thuế ban hành quyết định
- 3. Lệnh hoàn thuế: Số ngày

II. Tiền chậm nộp:

- 1. Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0
- 2. Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRẦN THỊ THƠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

Mẫu số: 01-1/KHBS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Mẫu tờ khai: TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

[02] Mã giao dịch điện tử: 11320250353867673

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 11 năm 2025

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

[06] Mã số thuế: 0309391503

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1	01/GTGT						
		[23] - Giá trị của hàng hóa, dịch vụ mua vào	13570591789	14565898024	995.306.235	0	
		[23a] - Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu - Giá trị HHDV	1322131876	2317438111	995.306.235	0	
		[24] - Thuế GTGT của HHDV mua vào	901056755	985154884	84.098.129	0	
		[24a] - Trong đó: Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	4560980	88659109	84.098.129	0	
		[25] - Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này	901056755	985154884	84.098.129	0	
		[36] - Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ	96461845	12363716	(84.098.129)	0	
		[41] - Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này	124634286	208732415	84.098.129	0	
		[43] - Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	124634286	208732415	84.098.129	84.098.129	
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:				[07]	0	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:				[08]	84.098.129	\
	Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:				[09]	0	\

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ
1	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 20 tháng 12 năm 2025

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

TRẦN THỊ THƠM

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**
Ngày ký: 13/02/2026 12:17:18.